

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 28/6/2022.

“V/v tranh chấp xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lại Thiện Phong**

Bà **Võ Thị Hồng Xuyên**

Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông **Dương Minh Kha** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 87/2022/TLST – HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXXST–HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thanh Th, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện V, tỉnh H.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện V, tỉnh B.

(Chị Phan Thị Thanh Th vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đỗ Văn B vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Thanh Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1997, chị Th và anh B có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng không có tiến hành đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng

được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng anh chị thường xuyên cự cãi bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Văn B.

Về quan hệ con chung: Chị Th xác định trong quá trình chung sống, giữa chị và anh B có 01 người con chung là cháu Đỗ Vũ B1, sinh năm 1998. Hiện nay cháu Bằng đã trưởng thành nên chị không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị Th không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn anh Đỗ Văn B không cung cấp lời khai của mình cho Tòa án, Tòa án có đến nơi cư trú của anh B để lấy lời khai nhưng anh B vắng mặt. Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương nơi cư trú của anh B xác định: Anh Đỗ Văn B vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp N, xã T, huyện V, tỉnh B nhưng hiện tại anh B vắng mặt nơi cư trú, khi bỏ đi thì không có trình báo hay xin vắng mặt. Từ đó, Tòa án tiến hành niêm yết công khai tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định pháp luật nhưng đến nay anh B vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phan Thị Thanh Th và anh Đỗ Văn B là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Chị Th xác định con của chị Th và anh B đã trưởng thành nên không yêu cầu, do đó không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Th không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Phan Thị Thanh Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Văn B nên căn cứ khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp xin ly hôn” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Đỗ Văn B có nơi đăng ký thường trú tại Ấp N, xã T, huyện V, tỉnh B nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Phan Thị Thanh Th tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị Th. Bị đơn anh Đỗ Văn B vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Đỗ Văn B.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th yêu cầu xin ly hôn với anh B, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Th thừa nhận vào năm 1997, chị có tổ chức đám cưới với anh B trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay anh, chị chưa có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu thì giữa chị Th và anh B chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Th yêu cầu xin ly hôn với anh B. Tuy nhiên, theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận chị Th và anh B là vợ chồng.

[5] Về quan hệ con chung: Chị Th xác định con của chị đã trưởng thành nên không yêu cầu, do đó không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản: Chị Th không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Th phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phan Thị Thanh Th và anh Đỗ Văn B là vợ chồng.

2/ Về quan hệ con chung: Chị Th xác định con của chị đã trưởng thành nên không yêu cầu, do đó không đặt ra xem xét, giải quyết.

3/ Về quan hệ tài sản chung: Chị Th không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Phan Thị Thanh Th phải nộp 300.000 đồng. Do chị Th đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006183, ngày 03/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Bình